

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày: 21-3-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh;
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NN;

Địa chỉ: Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** – Tổng giám đốc Ngân hàng NN;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T** – Giám đốc Ngân hàng NN - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Lê Minh K** – Phó Giám đốc Ngân hàng NN - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre (Theo Văn bản ủy quyền số 508/GUQ-NHNo.GT-TH ngày 19/12/2023) (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: - Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1958 (Có mặt);

- Bà **Lưu Ngọc L**, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

- Chị **Phạm Thị Xa L1**, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

- Anh **Phạm Anh T2**, sinh năm 1999 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Phạm Thị Mỹ X**, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

- Chị **Phạm Thị Thanh T3**, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng NN là ông Lê Minh K trình bày:

Cá nhân ông Phạm Văn T1 và ông T1 nhận ủy quyền của bà Lưu Ngọc L, chị Phạm Thị Xa L1, anh Phạm Anh T2 có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng NN - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre, cụ thể:

- Cá nhân ông T1 và ông T1 nhận ủy quyền của bà L, chị L1, anh T2 ký Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 16/11/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020), theo đó: số tiền vay là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; mục đích là sửa nhà; kỳ hạn trả nợ: ngày 16/8/2021 trả 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, ngày 16/8/2022 trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ngày 16/8/2023 trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ngày 16/8/2024 trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ngày 16/8/2025 trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 16/8/2026 trả 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng; lãi suất 11%/năm, lãi suất thả nổi; lãi quá hạn là 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

- Cá nhân ông T1 và ông T1 nhận ủy quyền của bà L ký Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022), theo đó: số tiền vay là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; mục đích là chăn nuôi heo; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 16/11/2022 đến hết ngày 16/11/2023; kỳ hạn trả nợ là 01 kỳ vào ngày 16/11/2023 trả 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; lãi suất 9,5%/năm, lãi suất thả nổi; lãi quá hạn là 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

- Cá nhân ông T1 ký Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày 16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022), theo đó: hạn mức thấu chi là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; mục đích là tiêu dùng cá nhân; thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 19/8/2022; lãi suất 09%/năm, lãi suất thả nổi; lãi quá hạn là 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, cá nhân ông T1 và ông T1 nhận ủy quyền của bà L, chị L1, anh T2, chị Phạm Thị Mỹ X, chị Phạm Thị Thanh T3 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018.07.16.238/HĐTC ngày 25/6/2018, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất số 2020.07.15.133/HĐSD,BS ngày 17/8/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.35.426/HĐSD,BS ngày 16/11/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.21.045/HĐSD,BS ngày 19/8/2022, theo đó: thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 177 có diện tích 5.590,9m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Phong Mỹ (nay là xã Phong Năm), huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 693378 do UBND huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/6/2004 cho hộ ông T1.

Trong quá trình vay vốn, ông T1, bà L, chị L1, anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng, cụ thể: theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 thì ngày 16/8/2023 ông T1, bà L, chị L1 và anh T2 phải trả số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng cho Ngân hàng nhưng ông T1, bà L, chị L1 và anh T2 không trả và đến nay không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng, đối với tiền lãi thì chỉ trả được đến ngày 03/7/2023, từ ngày 04/7/2023 đến nay không tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã làm việc nhiều lần; đối với Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 thì thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 16/11/2022 đến hết ngày 16/11/2023, Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 thì thời hạn cấp hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 19/8/2022, đến nay đều đã hết hạn nhưng ông T1 và bà L chưa trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã làm việc nhiều lần, ông T1 cam kết trả nợ nhưng không thực hiện. Do đó, trước đây Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T1, bà L, chị L1, anh T2 liên đới trả cho Ngân hàng số nợ vay theo 03 Hợp đồng đã ký trên. Tuy nhiên, nay Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu ông T1, bà L, chị L1 và anh T2 liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 21/03/2024 tổng cộng là 392.658.862 (ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó: số tiền gốc là 360.000.000 (ba trăm sáu mươi triệu) đồng, tổng số tiền lãi là 32.658.862 (ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng (gồm số tiền lãi trong hạn là 29.449.973 (hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba) đồng, số tiền lãi quá hạn là 3.208.889 (ba triệu hai trăm lẻ tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 16/11/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020).

- Yêu cầu ông T1 và bà L liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 21/03/2024 tổng cộng là 537.571.958 (năm trăm ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng, trong đó: số tiền gốc là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, tổng số tiền lãi là 37.571.958 (ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng (gồm số tiền lãi trong hạn là 30.465.754 (ba mươi triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi bốn) đồng, số tiền lãi quá hạn là 7.106.204 (bảy triệu một trăm lẻ sáu nghìn hai trăm lẻ bốn) đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022); rút yêu cầu khởi kiện đối với chị L1 và anh T2.

- Yêu cầu ông T1 trả cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 21/03/2024 tổng cộng là 96.929.400 (chín mươi sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm) đồng, trong đó: số tiền gốc là 88.719.784 (tám mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm tám mươi bốn) đồng, tổng số tiền lãi là 8.209.616 (tám triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm mười sáu) đồng (gồm số tiền lãi trong hạn là 5.627.020 (năm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn không trăm hai mươi) đồng, số tiền lãi quá hạn là 2.582.596 (hai triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm chín mươi sáu) đồng), theo Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày 16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022); rút yêu cầu khởi kiện đối với bà L, chị L1 và anh T2.

Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 22/3/2024 đến ngày ông T1, bà L, chị L1, anh T2 trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp ông T1, bà L, chị L1, anh T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 177 có diện tích 5.590,9m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Phong Mỹ (nay là xã Phong Năm), huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 693378 do UBND huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/6/2004 cho hộ ông T1.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn T1 trình bày:

Ông thừa nhận cá nhân ông và ông có nhận ủy quyền của bà L, chị L1, anh T2, chị X, chị T3 ký các Hợp đồng tín dụng, Phụ lục Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, các Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp và còn nợ tiền Ngân hàng đến nay chưa trả đúng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 21/3/2024 tổng cộng là 1.027.160.220 (một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi hai) đồng; đồng ý trả tiền lãi tiếp tục từ ngày 22/3/2024 đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện ông không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên ông, bà L, chị L1, anh T2, chị X và chị T3 đồng ý giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 177 có diện tích 5.590,9m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Phong Mỹ (nay là xã Phong Năm), huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để Ngân hàng thu hồi nợ nhưng xin giữ lại một phần để ông thờ cúng ông bà và sinh sống.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Xa L1 trình bày:

Chị có ủy quyền cho ông T1 ký Hợp đồng tín dụng, Phụ lục Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, các Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp và còn nợ tiền Ngân hàng đến nay chưa trả đúng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện, chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện chị không có khả năng nên chị yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 177 có diện tích 5.590,9m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Phong Mỹ (nay là xã Phong Nẫm), huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để Ngân hàng thu hồi nợ.

Do bản công việc nên chị xin vắng mặt trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng NN và các bị đơn ông T1, bà L, anh T2 và chị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng các bị đơn bà L, anh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị X, chị T3 đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn chị L1 tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T1 tuân thủ chưa đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 04/3/2024. Riêng các bị đơn bà L, anh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị X, chị T3 không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

- Buộc ông T1, bà L, chị L1 và anh T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 21/3/2024 tổng cộng là 392.658.862 (ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 16/11/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020).

- Buộc ông T1 và bà L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 21/3/2024 tổng cộng là 537.571.958 (năm trăm ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022).

- Buộc ông T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 21/3/2024 tổng cộng là 96.929.400 (chín mươi sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm) đồng, theo Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày 16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022).

Ông T1, bà L, chị L1 và anh Phạm Anh T2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng trên kể từ ngày 22/3/2024 cho đến khi ông T1, bà L, chị L1 và anh T2 trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T1, bà L, chị L1 và anh T2 không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018.07.16.238/HĐTC ngày 25/6/2018, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2020.07.15.133/HĐSD,BS ngày 17/8/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.35.426/HĐSD,BS ngày 16/11/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.21.045/HĐSD,BS ngày 19/8/2022 để thu hồi nợ, theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 177 có diện tích 5.590,9m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Phong Mỹ (nay là xã Phong Năm), huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 693378 do UBND huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/6/2004 cho hộ ông T1.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu chị L1 và anh T2 liên đới cùng ông T1, bà L trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà L, chị L1 và anh T2 liên đới cùng ông T1 trả số tiền vay theo Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày 16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tổ tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng NN khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc ông T1, bà L, chị L1, anh T2 trả số tiền đã vay cho Ngân hàng; ông T1, bà L, chị L1, anh T2 đang cư trú tại xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn chị L1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị vắng mặt. Các bị đơn bà L, anh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị X, chị T3 đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn chỉ L1, bà L, anh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ X, chỉ T3.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN:

Cá nhân ông T1 và ông T1 nhận ủy quyền của bà L, chỉ L1, anh T2 ký Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 16/11/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020), theo đó: số tiền vay là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; mục đích là sửa nhà; kỳ hạn trả nợ: ngày 16/8/2021 trả 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, ngày 16/8/2022 trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ngày 16/8/2023 trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ngày 16/8/2024 trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ngày 16/8/2025 trả 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 16/8/2026 trả 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng; lãi suất 11%/năm, lãi suất thả nổi; lãi quá hạn là 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

Cá nhân ông T1 và ông T1 nhận ủy quyền của bà L ký Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022), theo đó: số tiền vay là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; mục đích là chăn nuôi heo; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 16/11/2022 đến hết ngày 16/11/2023; kỳ hạn trả nợ là 01 kỳ vào ngày 16/11/2023 trả 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; lãi suất 9,5%/năm, lãi suất thả nổi; lãi quá hạn là 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

Cá nhân ông T1 ký Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày 16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022), theo đó: hạn mức thấu chi là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân; thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 19/8/2022; lãi suất 09%/năm, lãi suất thả nổi; lãi quá hạn là 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, cá nhân ông T1 và ông T1 nhận ủy quyền của bà L, chỉ L1, anh T2, chỉ X, chỉ T3 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018.07.16.238/HĐTC ngày 25/6/2018, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2020.07.15.133/HĐSD,BS ngày 17/8/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.35.426/HĐSD,BS ngày 16/11/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.21.045/HĐSD,BS ngày 19/8/2022, theo đó thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 177 có diện tích 5.590,9m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Phong Mỹ (nay là xã Phong Nẫm), huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 693378 do UBND huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/6/2004 cho hộ ông T1.

Tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 thì Ngân hàng có quyền tạm ngừng cho vay hoặc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với khách hàng khi khách hàng vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng mà không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp nhận. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, ông T1, bà L, chị L1 và anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể: theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ngày 16/8/2023 ông T1, bà L, chị L1 và anh T2 phải trả số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng cho Ngân hàng nhưng ông T1, bà L, chị L1 và anh T2 không trả và đến nay không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng; đối với tiền lãi thì chỉ trả được đến ngày 03/7/2023, từ ngày 04/7/2023 đến nay không tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 thì thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 16/11/2022 đến hết ngày 16/11/2023, Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 thì thời hạn cấp hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 19/8/2022, đến nay đều đã hết hạn nhưng ông T1 và bà L chưa trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã làm việc nhiều lần vào ngày 21/8/2023, ngày 28/8/2023, ngày 19/9/2023, ngày 06/10/2023 và ngày 23/10/2023, ông T1 cam kết trả nợ nhưng không thực hiện.

Tại khoản 1 Điều 4 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018.07.16.238/HĐTC ngày 25/6/2018, các bên thỏa thuận Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; bên thế chấp phải thực hiện nghĩa vụ trước hạn do vi phạm Hợp đồng cấp tín dụng hoặc theo quy định của pháp luật nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thái và chị Lây đều thừa nhận các Hợp đồng trên; thừa nhận việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã phân tích ở trên. Các bị đơn bà L, anh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị X, chị T3 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Như vậy, các Hợp đồng trên có giá trị pháp lý, ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T1, bà L, chị L1, anh T2 liên đới trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 16/11/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020), yêu cầu ông T1 và bà L liên đới trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022), yêu cầu ông T1 trả số tiền vay theo Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày 16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022); yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 22/3/2024 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở nên được chấp nhận. Ông T1 và chị L1 đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nên được ghi nhận.

Tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị L1 và anh T2 liên đới cùng ông T1 và bà L trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-

202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022); rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà L, chị L1 và anh T2 liên đới cùng ông T1 trả số tiền vay theo Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày 16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022). Xét việc rút yêu cầu khởi kiện trên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí thu thập chứng cứ là 100.000 (một trăm nghìn) đồng do Ngân hàng tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên:

- Bà L, chị L1 và anh T2 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền vay phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 16/11/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020) là 14.725.000 (mười bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

- Bà L chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền vay phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022) là 12.751.500 (mười hai triệu bảy trăm năm mươi một nghìn năm trăm) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN:

Buộc ông Phạm Văn T1, bà Lưu Ngọc L, chị Phạm Thị Xa L1 và anh Phạm Anh T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng NN số tiền vay tính đến ngày 21/3/2024 tổng cộng là 392.658.862 (ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó: số tiền gốc là 360.000.000 (ba trăm sáu mươi triệu) đồng, tổng số tiền lãi là 32.658.862 (ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng (gồm số tiền lãi trong hạn là 29.449.973 (hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba) đồng, số tiền lãi quá hạn là 3.208.889 (ba triệu hai trăm lẻ tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 16/11/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020) ký với Ngân hàng NN – chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Phạm Văn T1 và bà Lưu Ngọc L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng NN số tiền vay tính đến ngày 21/3/2024 tổng cộng là 537.571.958 (năm trăm ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng, trong đó: số tiền gốc là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, tổng số tiền lãi là 37.571.958 (ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng (gồm số tiền lãi trong hạn là 30.465.754 (ba mươi triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi bốn) đồng, số tiền lãi quá hạn là 7.106.204 (bảy triệu một trăm lẻ sáu nghìn hai trăm lẻ bốn) đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022) ký với Ngân hàng NN – chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Phạm Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng NN số tiền vay tính đến ngày 21/3/2024 tổng cộng là 96.929.400 (chín mươi sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm) đồng, trong đó: số tiền gốc là 88.719.784 (tám mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm tám mươi bốn) đồng, tổng số tiền lãi là 8.209.616 (tám triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm mười sáu) đồng (gồm số tiền lãi trong hạn là 5.627.020 (năm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn không trăm hai mươi) đồng, số tiền lãi quá hạn là 2.582.596 (hai triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm chín mươi sáu) đồng), theo Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày 16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022) ký với Ngân hàng NN – chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Phạm Văn T1, bà Lưu Ngọc L, chị Phạm Thị Xa L1 và anh Phạm Anh T2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 16/11/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020), Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 16/11/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202006216 ngày 17/8/2020), Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày

16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022) ký với Ngân hàng NN – chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre kể từ ngày 22/3/2024 cho đến khi ông Phạm Văn T1, bà Lưu Ngọc L, chị Phạm Thị Xa L1 và anh Phạm Anh T2 trả hết nợ cho Ngân hàng NN.

Trường hợp ông Phạm Văn T1, bà Lưu Ngọc L, chị Phạm Thị Xa L1 và anh Phạm Anh T2 không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng NN thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018.07.16.238/HĐTC ngày 25/6/2018, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2020.07.15.133/HĐSD,BS ngày 17/8/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.35.426/HĐSD,BS ngày 16/11/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2022.07.21.045/HĐSD,BS ngày 19/8/2022 để thu hồi nợ, theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 177 có diện tích 5.590,9m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Phong Mỹ (nay là xã Phong Năm), huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 693378 do UBND huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/6/2004 cho hộ ông Phạm Văn T1.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN về việc yêu cầu chị Phạm Thị Xa L1 và anh Phạm Anh T2 liên đới cùng ông Phạm Văn T1, bà Lưu Ngọc L trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/12/2022 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202207943 ngày 16/11/2022) ký với Ngân hàng NN – chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN về việc yêu cầu bà Lưu Ngọc L, chị Phạm Thị Xa L1 và anh Phạm Anh T2 liên đới cùng ông Phạm Văn T1 trả số tiền vay theo Hợp đồng thấu chi số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022 và Phụ lục hợp đồng thấu chi số 01/PLHĐ/TC ngày 16/11/2022 (kèm theo HĐTD số 7107-LAV-202206158/HĐTC ngày 19/8/2022) ký với Ngân hàng NN – chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Về chi phí thu thập chứng cứ là 100.000 (một trăm nghìn) đồng do Ngân hàng NN tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Ngọc L, chị Phạm Thị Xa L1 và anh Phạm Anh T2 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.725.000 (mười bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Lưu Ngọc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.751.500 (mười hai triệu bảy trăm năm mươi một nghìn năm trăm) đồng.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.770.000 (hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002613 ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên